TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày 19 – 11 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch; Ông Nguyễn Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo.

Họ và tên: **Trần Thị N**, sinh ngày 01/01/1993; Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk. Nơi ĐKNKTT: Thôn 11, xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn B, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 4/12; Tiền án - Tiền sự: Không. Con ông Trần Ngọc T (đã chết) và con bà Phạm Thị H, sinh năm 1968. Bị cáo có chồng là Võ Hồng C, sinh năm 1989 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2023. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/7/2024 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn B, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị K, sinh năm 1934

Địa chỉ: Thôn H, xã Dang K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Võ Thị L, sinh năm 1975; Bà Đào Thị R, sinh năm 1946

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Cư K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk *(đều vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 30/5/2024, Trần Thị N điều khiển xe mô tô biển số 47K1-277.93 đi thu hoạch cây thuốc lá ở thôn N, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk, do khi đến nơi không thấy ai nên N đi về. Khi đi về ngang qua trước nhà bà Trần Thị T ở thôn B, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B thì thấy trong sân nhà bà T có mấy bao đậu đen nên N nảy sinh ý định trộm cắp. N điều khiển xe mô tô vào sân, lấy 01 bao đậu đen nặng 60 kilôgam (kg) rồi chia làm hai phần, N khiêng hai bao đậu đen bỏ lên xe mô tô rồi điều khiển xe theo tỉnh lộ 9 hướng đi xã Cư K, huyện Krông B. Trên đường đi, khi đến thôn B, xã Cư K, N gặp bà Trần Thị K đang đi bộ nên N dừng xe lại hỏi bà K đi đâu thì bà K nói đi chùa nên N chở bà K đi cùng. Trên đường đi bà K hỏi N đi đâu thì N nói chở đậu đen đi bán nên bà K chỉ chỗ mua đậu cho N ở chợ xã Cư K. Khi đến chợ Cư K thì N đã bán 60kg đậu đen trên cho bà Võ Thị L được 2.100.000 đồng, sau đó bà L bán lại 50kg đậu đen cho bà Đào Thị R được 2.000.000 đồng, 10kg đậu đen còn lại bà L giữ lại để nấu xôi bán. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Trần Thị T trình báo Công an xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐ ngày 18/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Bông kết luận: 60 kilôgam đậu đen, có giá trị tại thời điểm bị xâm phạm là 2.400.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐ ngày 25/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Bông kết luận: 01 xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, có giá trị tại thời điểm định giá là 8.000.000 đồng.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị can phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao nộp lại số tiền do phạm tội mà có.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 60kg đậu đen, ngày 19/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại cho bà Trần Thị T là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, Trần Thị N dùng làm phương tiện phạm tội.

- Số tiền 2.100.000 đồng Trần Thị N giao nộp tại Công an xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông. Ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông đã trả lại cho bà Võ Thị L là chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 18/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Trần Thị N về tội: *"Trộm cắp tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông đã công bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội: *"Trộm cắp tài sản".*

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Bà Võ Thị L đã nhận lại số tiền 2.100.000 đồng, bà Đào Thị R đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng và không có yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị N, trị giá 8.000.000đ. Do bị cáo N sử dụng làm phương tiện phạm tội. Bị cáo có nguyện vọng muốn được nộp số tiền giá trị của chiếc xe mô tô nêu trên và muốn được nhận lại chiếc xe mô tô, đề nghị HĐXX xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Thị N có đủ năng lực hành vi và hoàn toàn đủ năng lực pháp luật để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mặc dù biết rõ tài sản của gia đình bà Trần Thị T không thuộc sở hữu của mình, tài sản đó được tạo ra bằng công sức lao động của chủ sở hữu và được pháp luật bảo vệ nếu ai chiếm đoạt bất hợp pháp sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm minh, nhưng do tham lam, lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ từ thành quả lao động của người khác để sử dụng cho mục đích cá nhân, hành vi của bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật. Do ý thức xem thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 03 giờ ngày 30/5/2024, tại thôn B, xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk, Trần Thị N đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 60kg đậu đen của bà Trần Thị T, trị giá 2.400.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được và đánh giá tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn thực tế khách quan. HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: bị cáo Trần Thị N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Trần Thị T trị giá 2.400.000 đồng. Hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình

sự. Do đó, bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Trần Thị N về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương, bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi với lỗi cố ý, sau khi bị cáo lấy trộm được tài sản, bị cáo đem bán lấy tiền thì bị phát hiện. Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần phải được xử lý bằng hình sự để có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được trả lại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó cần xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có khả năng tự cải tạo nên không cần phải cách ly với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo tự cải tạo tại chỗ, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp. Như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an, trật tự, an toàn xã hội thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự: tài sản đã được trả lại cho bị hại, các đương sự không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc, trị giá 8.000.000 đồng, thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị N. Bị cáo N sử dụng làm phương tiện phạm tội với lỗi cố ý nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp. Tại phiên tòa, bị cáo muốn được được nộp vào ngân sách

nhà nước số tiền 8.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản và mong muốn được nhận lại chiếc xe mô tô để sử dụng vì đó là phương tiện duy nhất bị cáo sử dụng đi lại hàng ngày. HĐXX xét thấy nguyện vọng của bị cáo là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Xét thấy quan điểm đường lối xử lý vụ án và đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên giữ quyền công tố là phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 173 Bộ luật hình sự; Điều 260 và Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

[1] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị N cho Ủy ban nhân dân xã Khuê Ngọc Đ, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk, là nơi bị cáo thường trú, để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* là giá trị chiếc xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội. Chấp nhận bị cáo Trần Thị N tự nguyện chịu trách nhiệm nộp số tiền trên. Tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc để bảo đảm thi hành án. Sau khi Trần Thị N nộp đủ số tiền 8.000.000 đồng, Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông thực hiện việc trả chiếc xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc cho Trần Thị N. Trường hợp Trần Thị N không nộp tiền, Chị cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông tịch thu chiếc xe mô tô biển số 47K1-277.93, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen bạc để nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

(Về đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Bông và Chi cục THA dân sự huyện Krông Bông đã mô tả cụ thể theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ghi ngày 21/10/2024).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ GĐ kiểm tra I – TAND Tối cao;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Bông (02 bản);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Đắk Lắk;
- Đội Điều tra tổng hợp CA H Krông Bông;
- Cơ quan THA hình sự H Krông Bông;
- Chi cục THA Dân sự H Krông Bông;
- UBND xã Khuê Ngọc Điền;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Hồi